

# **Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 19



# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH & ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Trần Lê Quân	Thành viên	
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	
Ông Chris Freund	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2018
Ông Thomas Lanyi	Thành viên	
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên	
Ông Robert Willet	Thành viên	
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban	
Ông Hoàng Hữu Hưng	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Loan	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2018
Bà Nguyễn Khánh Vân	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2018

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Tín	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Tài.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 15 tháng 2 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám Đốc:



Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 1 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

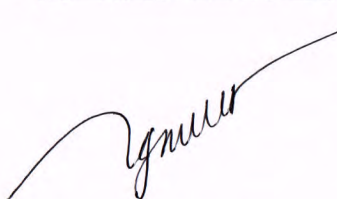
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>224.880.562.137</b>	<b>2.578.391.651.295</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>127.636.796.208</b>	<b>282.877.235.523</b>
111	1. Tiền		127.636.796.208	282.877.235.523
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>89.193.429.541</b>	<b>2.287.876.487.689</b>
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	66.600.000.000	2.266.184.807.920
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	22.593.429.541	21.691.679.769
<b>150</b>	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.050.336.388</b>	<b>7.637.928.083</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		7.637.928.079	7.637.928.083
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		412.408.309	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.179.760.821.707</b>	<b>1.795.064.771.000</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.061.720.000.000</b>	<b>-</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	5	1.061.720.000.000	-
<b>250</b>	<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>7</b>	<b>6.118.040.821.707</b>	<b>1.795.064.771.000</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		6.056.002.071.707	1.795.064.771.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		62.038.750.000	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>7.404.641.383.844</b>	<b>4.373.456.422.295</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.133.344.181.084</b>	<b>1.130.988.727.408</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>15.747.514.423</b>	<b>17.932.060.742</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	1.481.050.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	41.059.943
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	8	10.270.330.768	11.133.414.144
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		527.183.655	326.536.655
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.950.000.000	4.950.000.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.117.596.666.661</b>	<b>1.113.056.666.666</b>
338	1. Vay dài hạn	9	1.117.596.666.661	1.113.056.666.666
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.271.297.202.760</b>	<b>3.242.467.694.887</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>10.1</b>	<b>6.271.297.202.760</b>	<b>3.242.467.694.887</b>
411	1. Vốn cổ phần		4.434.961.780.000	3.169.884.370.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.434.961.780.000	3.169.884.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		515.362.889.700	628.592.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(808.864.500)	(79.164.500)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.321.781.397.560	72.033.896.887
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.321.781.397.560	72.033.896.887
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.404.641.383.844</b>	<b>4.373.456.422.295</b>



Lý Trần Kim Ngân  
Người lập



Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính



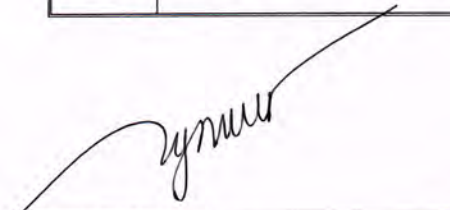
Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc


Ngày 30 tháng 1 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Năm nay	Năm trước
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	11	1.374.116.821.342	25.369.482.422	2.914.961.155.622	1.861.346.600.395
22 23	2. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	12	(24.522.219.174) (24.522.219.174)	(14.808.978.374) (14.808.978.374)	(97.326.249.994) (97.326.249.994)	(14.808.978.374) (14.808.978.374)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(1.325.190.224)	(10.874.783.313)	(4.948.437.613)	(15.226.002.248)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.348.269.411.944	(314.279.265)	2.812.686.468.015	1.831.311.619.773
31	5. Thu nhập khác		3.536.284	135.870	3.536.284	135.870
32	6. Chi phí khác		(12.100.000)	-	(12.100.000)	-
40	7. (Lỗ) lợi nhuận khác		(8.563.716)	135.870	(8.563.716)	135.870
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.348.260.848.228	(314.143.395)	2.812.677.904.299	1.831.311.755.643
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.1	395.710.108	(41.059.943)	(2.648.371.876)	(6.565.693.117)
60	10. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.348.656.558.336	(355.203.338)	2.810.029.532.423	1.824.746.062.526

  
Lý Trần Kim Ngân  
Người lập  
Ngày 30 tháng 1 năm 2019

  
Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

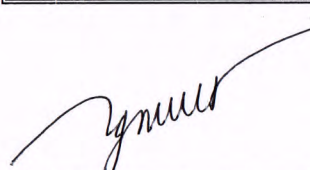



  
Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>2.812.677.904.299</b>	<b>1.831.311.755.643</b>
	<i>Điều chỉnh cho khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	11	(2.914.961.155.622)	(1.861.346.600.395)
06	Chi phí lãi vay	12	97.326.249.994	14.808.978.374
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(4.957.001.329)</b>	<b>(15.225.866.378)</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		10.365.214.952	(16.042.431.693)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(2.143.486.371)	3.357.188.472
14	Tiền lãi vay đã trả		(92.786.250.000)	(9.861.284.247)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.101.840.128)	(7.020.049.433)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(92.623.362.876)</b>	<b>(44.792.443.279)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi cho vay		(1.965.500.000.000)	(3.020.802.733.171)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.881.364.807.920	1.036.498.966.789
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết		(3.096.437.300.707)	(527.760.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức nhận được		2.899.155.440.898	1.859.344.923.947
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(281.417.051.889)</b>	<b>(652.718.842.435)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		703.840.247.200	92.226.480.000
32	Mua lại cổ phiếu		(729.700.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		-	1.109.432.880.071
36	Chi trả cổ tức		(484.310.571.750)	(230.721.660.300)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>218.799.975.450</b>	<b>970.937.699.771</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(155.240.439.315)</b>	<b>273.426.414.057</b>
60	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>282.877.235.523</b>	<b>9.450.821.466</b>
70	<b>Tiền cuối năm</b>	4	<b>127.636.796.208</b>	<b>282.877.235.523</b>

  
Lý Trần Kim Ngân  
Người lập

  
Vũ Đăng Linh  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Đức Tài  
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 1 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH & ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 15 tháng 2 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.4 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.6 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.7 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.8 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	354.000
Tiền gửi ngân hàng	<u>127.636.796.208</u>	<u>282.876.881.523</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>127.636.796.208</u></b>	<b><u>282.877.235.523</u></b>

**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Phải thu cho vay thể hiện khoản cho các công ty con vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 4,5%/năm đến 8,5%/năm (*Thuyết minh số 14*).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 14</i> )	18.458.384.724	8.375.455.386
Ký quỹ, ký cược	4.003.604.375	8.007.208.750
Khác	<u>131.440.442</u>	<u>5.309.015.633</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.593.429.541</u></b>	<b><u>21.691.679.769</u></b>

**7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con ( <i>Thuyết minh số 7.1</i> )	6.056.002.071.707	1.795.064.771.000
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 7.2</i> )	<u>62.038.750.000</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.118.040.821.707</u></b>	<b><u>1.795.064.771.000</u></b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 7.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm			Số đầu năm		
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,95	2.027.352.771.000	-	99,95	1.027.352.771.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thương mại thực phẩm	Đang hoạt động	99,95	2.629.712.000.000	-	99,95	629.712.000.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh (*)	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,33	860.937.300.707	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công nghệ thông tin	Đang hoạt động	100,00	538.000.000.000	-	100,00	138.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>6.056.002.071.707</b>	<b>-</b>		<b>1.795.064.771.000</b>	<b>-</b>

(\*) Vào ngày 5 tháng 1 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng 23.608.706 cổ phiếu, tương đương 95,15% tỷ lệ sở hữu, từ các cổ đông hiện hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh ("TAG"). Theo đó, TAG trở thành công ty con của công ty kể từ ngày này.

Từ ngày 12 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng 1.001.635 cổ phiếu, tương đương 4,04% tỷ lệ sở hữu trong TAG từ các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong TAG từ 95,15% lên 99,19%.

Từ ngày 2 tháng 4 năm 2018 đến ngày 5 tháng 5 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng 18.302 cổ phiếu, tương đương 0,09% tỷ lệ sở hữu trong TAG từ các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong TAG từ 99,19% lên 99,27%.

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2018, TAG đã mua lại 14.300 cổ phiếu từ các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong TAG từ 99,27% lên 99,33%.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 7.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm			Số đầu năm		
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Bán lẻ được phẩm	Đang hoạt động	49,00	62.038.750.000	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang ("An Khang") là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 0314587300 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. An Khang có trụ sở đăng ký tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Việt Nam. Hoạt động chính của An Khang trong kỳ là bán lẻ được phẩm.

Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 634.100 cổ phần, tương đương 49% tỷ lệ sở hữu trong An Khang, với tổng giá phí là 62.038.750.000 VND.

### 8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	8.961.835.610	8.961.835.615
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	1.308.495.158	2.025.578.529
Khác	-	146.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.270.330.768</b>	<b>11.133.414.144</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. VAY DÀI HẠN**

Vay dài hạn bao gồm các khoản trái phiếu thường trong nước và chi tiết được trình bày như sau:

<i>Trái chủ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000	6,55	Ngày 17 tháng 11 năm 2022	Bổ sung nhu cầu vốn đầu tư	Tín chấp
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	450.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000				
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	30.000.000.000				
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(17.403.333.339)</u>				
	<b><u>1.117.596.666.661</u></b>				

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1,5%/năm.



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

10.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>					
Số đầu năm	1.539.509.270.000	628.592.500	(79.164.500)	16.158.114.661	1.556.216.812.661
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.824.746.062.526	1.824.746.062.526
Cổ tức công bố	-	-	-	(230.721.660.300)	(230.721.660.300)
Phát hành cổ phiếu ESOP	1.538.148.620.000	-	-	(1.538.148.620.000)	-
Mua lại cổ phiếu	92.226.480.000	-	-	-	92.226.480.000
Số cuối năm	<u>3.169.884.370.000</u>	<u>628.592.500</u>	<u>(79.164.500)</u>	<u>72.033.896.887</u>	<u>3.242.467.694.887</u>
<b>Năm nay:</b>					
Số đầu năm	3.169.884.370.000	628.592.500	(79.164.500)	72.033.896.887	3.242.467.694.887
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.810.031.952.423	2.810.031.952.423
Cổ phiếu phát hành (*)	61.810.840.000	514.734.297.200	-	-	576.545.137.200
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(484.310.571.750)	(484.310.571.750)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	1.075.971.460.000	-	-	(1.075.971.460.000)	-
Phát hành cổ phiếu ESOP (***)	127.295.110.000	-	-	-	127.295.110.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	(729.700.000)	-	(729.700.000)
Số cuối năm	<u>4.434.961.780.000</u>	<u>515.362.889.700</u>	<u>(808.864.500)</u>	<u>1.321.783.817.560</u>	<u>6.271.299.622.760</u>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 02/2017/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0112/2017/HĐQT/NQ-TGDĐ ngày 7 tháng 12 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị đã thông qua việc phát hành 6.700.000 cổ phần phổ thông cho nhà đầu tư dưới hình thức phát hành riêng lẻ. Vào ngày 5 tháng 1 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0101/2018/HĐQT/NQ-TGDĐ, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành 6.181.084 cổ phiếu cho các nhà đầu tư với mức giá là 93.300 VND/cổ phiếu và vào ngày 15 tháng 1 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 6.181.084 cổ phần phổ thông cho các nhà đầu tư. Vào ngày 22 tháng 5 năm 2018, Công ty đã nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**10.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*\*) Vào ngày 23 tháng 11 năm 2018, Công ty đã phát hành 107.597.146 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01\_2018/BBĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0110/NQ/HĐQT-2018 ngày 8 tháng 10 năm 2018. Vào ngày 5 tháng 12 năm 2018, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

(\*\*\*) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty đã phát hành 12.729.511 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") trong Công ty và các công ty con mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 127.295.110.000 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01\_2018/BBĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018. Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

**10.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Số cổ phiếu</i>
Số đầu năm	316.988.437
Tăng vốn trong năm	126.507.741
Số cuối năm	443.496.178

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**10.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	443.496.178	316.988.437
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	443.496.178	316.988.437
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(369.285)	(234.160)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	443.126.893	316.754.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	2.799.448.144.923	1.799.002.733.171
Lãi tiền cho vay	115.257.227.651	62.285.412.451
Lãi tiền gửi	255.783.048	58.454.773
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.914.961.155.622</u></b>	<b><u>1.861.346.600.395</u></b>

**12. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	<u>97.326.249.994</u>	<u>14.808.978.374</u>

**13. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**13.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VN	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>2.812.677.904.299</u></b>	<b><u>1.831.311.755.643</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	562.535.580.861	366.262.351.129
<i>Các khoản điều chỉnh :</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(559.889.628.985)	(359.800.546.634)
Chi phí không được khấu trừ	<u>2.420.000</u>	<u>103.888.622</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>2.648.371.876</u></b>	<b><u>6.565.693.117</u></b>

**13.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cổ tức	2.799.448.144.923	1.799.002.733.171
		Cho vay	1.743.500.000.000	2.870.850.000.000
		Thu nhập lãi vay	113.586.240.151	61.377.912.451
		Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp	1.000.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Góp vốn	1.813.000.000.000	389.760.000.000
		Chuyển vay thành vốn góp	187.000.000.000	110.000.000.000
		Cho vay	187.000.000.000	50.000.000.000
		Thu nhập lãi vay	1.354.625.000	907.500.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Góp vốn	400.000.000.000	138.000.000.000
		Cho vay	-	100.950.000.000
		Thu nhập lãi vay	277.612.500	-
Ông Robert Willet	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	2.188.855.166	2.340.816.349
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Cho vay chuyển đổi	35.000.000.000	-
		Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp	35.000.000.000	-
		Lãi cho vay	38.750.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	66.600.000.000	2.165.234.807.920
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Cho vay	-	100.950.000.000
			<b>66.600.000.000</b>	<b>2.266.184.807.920</b>
<b>Phải thu cho vay dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	<u>1.061.720.000.000</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

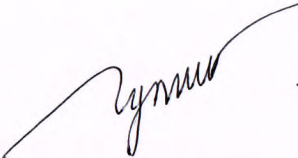


**14. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi dự thu Chi hộ	12.996.550.724 5.461.834.000	5.541.346.386 2.770.414.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Lãi dự thu	-	63.695.000
			<b>18.458.384.724</b>	<b>8.375.455.386</b>

**15. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

		
Lý Trần Kim Ngân Người lập	Vũ Đăng Linh Giám đốc Tài chính	Nguyễn Đức Tài Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 1 năm 2019